

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2015/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

**THÔNG TƯ
Quy định về kết nối viễn thông***Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;**Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,**Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về kết nối viễn thông.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc kết nối viễn thông (sau đây gọi là kết nối) giữa các mạng viễn thông công cộng, dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông tại Việt Nam, bao gồm: tiêu chuẩn, chất lượng, giá cước kết nối; đàm phán, ký kết, thực hiện, giải quyết tranh chấp về kết nối; chia sẻ cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ kết nối.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan tới hoạt động kết nối giữa các mạng viễn thông công cộng, dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Địa điểm kết nối* là địa điểm lắp đặt hệ thống thiết bị viễn thông có chức năng chuyển mạch, định tuyến, điều khiển, giám sát lưu lượng được truyền tải giữa hai mạng viễn thông kết nối với nhau.

2. *Đường kết nối* là đường truyền dẫn nối hai địa điểm kết nối có chức năng truyền tải lưu lượng giữa hai mạng viễn thông kết nối với nhau. Dung lượng kết nối là dung lượng của đường kết nối.

3. *Thiết bị kết nối* là thiết bị truyền dẫn đặt tại địa điểm kết nối có chức năng truyền tải lưu lượng giữa hai mạng viễn thông kết nối với nhau.

4. *Điểm kết nối* là điểm nằm trên đường kết nối, phân định ranh giới trách nhiệm về kinh tế và kỹ thuật giữa hai doanh nghiệp viễn thông tham gia kết nối.

5. *Doanh nghiệp cung cấp kết nối* là doanh nghiệp viễn thông được doanh nghiệp viễn thông khác yêu cầu cung cấp kết nối.

6. *Doanh nghiệp yêu cầu kết nối* là doanh nghiệp viễn thông yêu cầu doanh nghiệp viễn thông khác cung cấp kết nối.

7. *Thỏa thuận kết nối* là thỏa thuận về kinh tế và kỹ thuật được ký kết giữa các doanh nghiệp viễn thông phục vụ cho mục đích kết nối giữa các mạng viễn thông công cộng, dịch vụ viễn thông.

Chương II **QUY ĐỊNH KINH TẾ, KỸ THUẬT VỀ KẾT NỐI**

Điều 4. Địa điểm kết nối

1. Địa điểm kết nối sẽ do các doanh nghiệp tham gia kết nối thỏa thuận thông qua thương lượng trên cơ sở lựa chọn bất kỳ địa điểm kết nối nào trên mạng viễn thông khả thi về mặt kỹ thuật sau đây:

a) Tổng đài mạng điện thoại chuyển mạch công cộng (PSTN): tổng đài nội hạt (host/tandem), tổng đài đường dài (Toll); tổng đài quốc tế (international gateway);

b) Tổng đài mạng di động mặt đất công cộng (PLMN): tổng đài chuyển mạch di động (MSC/SGSN); tổng đài cổng chuyển mạch di động (GMSC/GGSN);

c) Hệ thống chuyển mạch, định tuyến mạng thế hệ sau (NGN);

d) Trung tâm truyền dẫn nội hạt, đường dài, quốc tế;

đ) Các địa điểm kết nối khác do các doanh nghiệp tham gia kết nối thỏa thuận, nhưng không được vi phạm các quy định về kết nối tại Điều 42, Điều 43 Luật Viễn thông và Thông tư này.

2. Số lượng, chi phí và phương thức thiết lập địa điểm kết nối do các doanh nghiệp tham gia kết nối thỏa thuận nhưng không được vi phạm các quy định về kết nối tại Điều 42, Điều 43 Luật Viễn thông và Thông tư này.

3. Trong các trường hợp thỏa thuận về địa điểm kết nối của các doanh nghiệp viễn thông vi phạm nguyên tắc bảo đảm sự phát triển bền vững của thị trường viễn thông; an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an ninh thông tin; quyền, lợi ích hợp pháp

của người sử dụng dịch vụ viễn thông, Cục Viễn thông sẽ yêu cầu các doanh nghiệp thỏa thuận lại.

4. Trong trường hợp các doanh nghiệp viễn thông không thỏa thuận được với nhau, Cục Viễn thông sẽ quyết định địa điểm kết nối giữa các doanh nghiệp.

Điều 5. Sử dụng chung vị trí kết nối

1. Sử dụng chung vị trí kết nối là việc các doanh nghiệp viễn thông thỏa thuận thống nhất về vị trí, điều kiện lắp đặt thiết bị kết nối, thiết bị phụ trợ phục vụ kết nối (nguồn điện, điều hòa, v.v) tại địa điểm kết nối và vị trí cụ thể của điểm kết nối.

2. Hình thức sử dụng chung điểm kết nối:

a) Sử dụng chung điểm kết nối thực: doanh nghiệp yêu cầu kết nối chịu trách nhiệm cho chi phí thiết lập ban đầu đường truyền dẫn dùng cho kết nối; doanh nghiệp cung cấp kết nối bố trí mặt bằng lắp đặt thiết bị kết nối, thiết bị phụ trợ phục vụ kết nối (nguồn điện, điều hòa, v.v) và điều kiện cần thiết khác (vận hành, bảo dưỡng thiết bị, v.v) tại địa điểm kết nối của mình.

Trong trường hợp này điểm kết nối sẽ là một điểm nằm trên giá phối dây trung kế (DDF, ODF hoặc MDF) tại địa điểm kết nối của doanh nghiệp cung cấp kết nối do các doanh nghiệp tham gia kết nối thỏa thuận xác định;

b) Sử dụng chung điểm kết nối ảo: các doanh nghiệp tham gia kết nối tự bảo đảm vị trí lắp đặt thiết bị kết nối của mình; thỏa thuận thiết lập đường kết nối và mỗi bên tự chịu chi phí đầu tư, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng thiết bị kết nối ở phía địa điểm kết nối của mình.

Trong trường hợp này, điểm kết nối sẽ là một điểm nằm trên đường kết nối do các doanh nghiệp tham gia kết nối thỏa thuận xác định.

3. Trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật hoặc thỏa thuận khác của các doanh nghiệp tham gia kết nối, thống nhất áp dụng nguyên tắc sử dụng chung điểm kết nối thực ở tất cả những nơi điều kiện cho phép, nhằm nâng cao chất lượng, giảm chi phí kết nối và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia kết nối.

Điều 6. Tiêu chuẩn, chất lượng kết nối

1. Tiêu chuẩn giao diện, báo hiệu, đồng hồ của thiết bị kết nối:

a) Giao diện kết nối do các doanh nghiệp tham gia kết nối thỏa thuận trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và các tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định bắt buộc áp dụng;

b) Trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa các doanh nghiệp viễn thông, báo hiệu giữa các mạng viễn thông tham gia kết nối thống nhất sử dụng hệ thống báo hiệu số 7 trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và các tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định bắt buộc áp dụng;

c) Mạng của doanh nghiệp yêu cầu kết nối có thể lấy tín hiệu đồng bộ trực tiếp từ đồng hồ chuẩn của doanh nghiệp cung cấp kết nối để đồng bộ cho mạng của mình hoặc theo đồng hồ được cung cấp qua các thiết bị viễn thông của doanh nghiệp cung cấp kết nối tại điểm kết nối theo nguyên tắc phân cấp chủ - tớ. Đồng hồ đồng bộ phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và các tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định bắt buộc áp dụng.

2. Chất lượng kết nối:

a) Nghẽn kết nối áp dụng theo chỉ tiêu quy định tại phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Mức độ sử dụng hiệu quả kết nối áp dụng theo chỉ tiêu quy định tại phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tổng dung lượng kết nối được xác định theo phương pháp quy định tại phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Giá cước kết nối

1. Giá cước kết nối được xây dựng trên cơ sở giá thành, phân tách hợp lý theo các bộ phận cấu thành mạng hoặc theo công đoạn dịch vụ liên quan trực tiếp đến việc thực hiện kết nối các mạng viễn thông và chính sách của nhà nước đối với thị trường viễn thông, dịch vụ viễn thông theo từng thời kỳ.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế trong từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành giá cước kết nối cho mạng viễn thông của từng doanh nghiệp viễn thông hoặc nhóm doanh nghiệp viễn thông (nhóm doanh nghiệp thống lĩnh thị trường, nhóm doanh nghiệp khác, v.v) trên cơ sở giá thành kết nối của từng doanh nghiệp hoặc giá thành kết nối trung bình của nhóm doanh nghiệp.

3. Theo yêu cầu và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng giá thành kết nối và đề xuất giá cước kết nối báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định.

4. Các doanh nghiệp tham gia kết nối có trách nhiệm thiết lập hệ thống kỹ thuật, nghiệp vụ dùng để ghi, đối soát số liệu phục vụ cho việc thanh toán giá cước kết nối.

5. Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của từng dịch vụ, của từng doanh nghiệp, các doanh nghiệp tham gia kết nối thỏa thuận về thời gian thực hiện đối soát số liệu và thanh toán giá cước kết nối. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, các doanh nghiệp thực hiện đối soát số liệu và thanh toán giá cước kết nối theo từng tháng.

Chương III

ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN THỎA THUẬN KẾT NỐI

Điều 8. Đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp viễn thông được xác định là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp

phải xây dựng, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính về Cục Viễn thông 01 bộ hồ sơ đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu. Các doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu có thể tự xây dựng, ban hành Thỏa thuận kết nối mẫu, không cần đăng ký với Cục Viễn thông, trên cơ sở tuân thủ theo các quy định tại Thông tư này để áp dụng chung với các doanh nghiệp viễn thông.

2. Hồ sơ đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu bao gồm:

- a) Đơn đề nghị đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu có dấu và chữ ký của người đại diện theo quy định pháp luật của doanh nghiệp theo mẫu tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Thỏa thuận kết nối mẫu;
- c) Tài liệu kinh tế, kỹ thuật có liên quan đến các nội dung trong Thỏa thuận kết nối mẫu (nếu có).

3. Thỏa thuận kết nối mẫu phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

Điều 9. Chấp thuận Thỏa thuận kết nối mẫu

1. Cục Viễn thông có trách nhiệm xem xét, thông báo bằng văn bản việc chấp thuận hay không chấp thuận (nêu rõ các lý do không chấp thuận) Thỏa thuận kết nối mẫu của doanh nghiệp trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ.

2. Cục Viễn thông sẽ không chấp thuận Thỏa thuận kết nối mẫu trong trường hợp sau đây:

- a) Thỏa thuận kết nối mẫu vi phạm các quy định về kinh tế, kỹ thuật tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này, các quy định của pháp luật về viễn thông và các quy định pháp luật có liên quan khác;
- b) Thỏa thuận kết nối mẫu có nội dung gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp viễn thông khác hoặc người sử dụng dịch vụ viễn thông.

3. Sau khi được Cục Viễn thông chấp thuận Thỏa thuận kết nối mẫu bằng văn bản, doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu có trách nhiệm ban hành và công bố công khai Thỏa thuận kết nối mẫu để áp dụng thống nhất, không phân biệt đối với tất cả các doanh nghiệp yêu cầu kết nối.

Điều 10. Bổ sung, sửa đổi Thỏa thuận kết nối mẫu

Khi cần bổ sung, sửa đổi Thỏa thuận kết nối mẫu doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu thực hiện việc đăng ký lại Thỏa thuận kết nối mẫu như đăng ký lần đầu theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Yêu cầu kết nối

Doanh nghiệp yêu cầu kết nối phải gửi yêu cầu kết nối bằng văn bản tới doanh nghiệp cung cấp kết nối. Nội dung yêu cầu kết nối phải bao gồm tối thiểu các thông tin sau: